TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Tâm.

2. Bà Ma Khánh Ly.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá *tham gia phiên tòa*: Ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 178/2022/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn* ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2022.

1. Nguyên đơn: Chị Ma Thị U, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Tô Văn S, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ma Thị U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tô Văn S được tự do tìm hiểu tự nguyện đi đến hôn nhân, kết hôn vào năm 1995 được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Đến năm 2002 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn D, xã H,

huyện C, tỉnh Tuyên Quang vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh S thường xuyên chửi bới, gây sự với chị U nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến tình cảm bị rạn nứt, cuộc sống chung không có hạnh phúc, đến tháng 02 năm 2022 mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng chị và anh S sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vẫn không thể khắc phục được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tô Văn S.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Tô Trung S1, sinh ngày 10/3/1996 và Tô Thị Kim N, sinh ngày 17/9/2010. Hiện nay cháu S1 đã đủ 18 tuổi, có gia đình riêng nên không yêu cầu tòa án giải quyết, chị U đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Tô Văn S đến để giải quyết việc chị Ma Thị U đề nghị ly hôn nhưng anh S đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh S đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của bà Hà Thị Đ (mẹ đẻ của anh Tô Văn S) thì anh S và chị U có được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã H, huyện C. Sau khi cưới thì vợ chồng chị U và anh S sống tại thôn D, xã H, huyện C. Giữa anh S và chị U phát sinh mâu thuẫn do nguyên nhân gì và thời gian nào bà Đ không biết. Quá trình chung sống chị U và anh S có 02 người con, cháu lớn sinh năm 1996 và cháu nhỏ sinh năm 2010. Bà Đ biết hiện nay anh S và chị U đang làm thủ tục ly hôn, anh S và chị U hiện không sống cùng nhau, tuy nhiên anh S không về sống cùng bà Đ, anh S đi làm ăn xa chỉ về thăm con tại xã H.

Chị U làm đơn xin ly hôn với anh S, anh S có biết nhưng do đi làm ăn xa nên không về. Bà Đ cũng không biết địa chỉ nơi làm việc của anh S. Gia đình bà có nhận được văn bản của Tòa án và đã thông báo cho anh S biết việc chị U xin ly hôn nhưng anh S không về.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Ma Thị U, cho chị Ma Thị U được ly hôn với anh Tô Văn S.

- Giao cháu Tô Thị Kim N, sinh ngày 17/9/2010 cho chị Ma Thị U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Tô Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Ma Thị U xác định tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Ma Thị U xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Ma Thị U phải chịu toàn bộ tiền phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Anh Tô Văn S không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Ma Thị U khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Tô Văn S; Anh Tô Văn S có hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã H, huyện C. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Chị Ma Thị U có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Tô Văn S đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do, nên cần áp dụng các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện C đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị U và anh Tô Văn S có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, đến tháng 02 năm 2022 thì mâu thuẫn trầm trọng. Và sống ly thân từ đó đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị U, anh S không có sự gắn kết, chia sẻ trong cuộc sống để xây dựng một gia đình hạnh phúc; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia

đình hạnh phúc, tiến bộ. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị U và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử thấy rằng giữa chị U và anh S không có sự gắn kết trong cuộc sống, chị U và anh S đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ma Thị U.

[2.2] Về con chung: Chị U và anh S có 02 con chung là cháu Tô Trung S1, sinh ngày 10/3/1996 và Tô Thị Kim N, sinh ngày 17/9/2010. Hiện nay cháu S1 đã đủ 18 tuổi, có gia đình riêng nên không yêu cầu tòa án giải quyết, chị U đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu N có nguyện vọng được ở với chị U, hiện nay cháu N còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Ngân cho chị Ma Thị U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Anh Tô Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] -Về tài sản chung: Chị Ma Thị U xác định tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

Về nợ chung: Chị Ma Thị U xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Ma Thị U phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định tại các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh S không phải chịu tiền áp phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 ; các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"* của chị Ma Thị U.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ma Thị U được ly hôn với anh Tô Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Tô Thị Kim N, sinh ngày 17/9/2010 cho chị Ma Thị U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Tô Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Chị Ma Thị U phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Chị U đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005372, ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nay được chuyển thành tiền án phí. Chị U đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Tô Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Ma Thị U và anh Tô Văn S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND xã H;
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Bích Ngọc